

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cà Phê Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà Phê Thương Phú thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, H.Hướng Hóa, Quảng Trị.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là 13.216.204.336 VND.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 30/06/2017 là 32.582.294.538 VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| <b>Ông Võ Văn Thắng</b> | : Chủ tịch HĐQT ( Bổ nhiệm ngày 29/06/2017) |
| Ông Võ Quang Thành      | : Chủ tịch HĐQT ( Từ nhiệm ngày 29/06/2017) |
| Ông Hồ Văn Tiến         | : Thành viên                                |
| Bà Nguyễn Thị Thủy      | : Thành viên                                |
| Ông Nguyễn Bá Nam       | : Thành viên                                |
| Ông Nguyễn Xuân Thủy    | : Thành viên                                |

#### Ban Giám đốc

- |                       |                     |
|-----------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Ái     | : Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Phương Nam | : Phó Tổng Giám đốc |

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;



- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Quảng Trị, ngày 30 tháng 06 năm 2017*

**TM. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Hữu Ái**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>68,917,526,065</b>	<b>57,987,642,693</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>3,660,909,381</b>	<b>4,793,749,456</b>
111	1. Tiền		3,660,909,381	4,793,749,456
112	1. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
121	0. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	0. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	0. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>46,994,772,800</b>	<b>36,865,399,800</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	38,983,122,800	27,255,512,800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8,011,650,000	9,609,887,000
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	2. Phải thu ngắn hạn khác		-	-
137	2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	2. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>18,122,420,648</b>	<b>16,221,964,325</b>
141	1. Hàng tồn kho		18,122,420,648	16,221,964,325
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>139,423,236</b>	<b>106,529,112</b>
151	0. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		139,423,236	106,529,112
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	-	-
154	1. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	1. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>70,816,952,476</b>	<b>71,557,929,770</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
211	0. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	-
212	0. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	-
213	0. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	0. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	0. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	0. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	0. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9,340,992,269</b>	<b>10,120,084,115</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	9,340,992,269	10,120,084,115
222	- Nguyên giá		15,037,699,369	15,037,699,369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5,696,707,100)	(4,917,615,254)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
241	0. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	0. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>58,000,000,000</b>	<b>58,000,000,000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		58,000,000,000	58,000,000,000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	1. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3,475,960,207</b>	<b>3,437,845,655</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3,475,960,207	3,437,845,655
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	.a	-	-
263	1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	1. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>139,734,478,541</b>	<b>129,545,572,463</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4,638,887,704</b>	<b>6,332,857,550</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4,638,887,704</b>	<b>6,332,857,550</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		77,782,884	71,445,000
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1,215,500,493	666,035,869
314	2. Phải trả người lao động		-	-
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	10,426,250
316	3. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	3. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	10	32,308,028	14,982,544
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	800,000,000	4,390,000,000
321	5. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2,513,296,299	1,179,967,887
323	6. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	6. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
331	0. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	0. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	0. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	0. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	0. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	0. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	0. Phải trả dài hạn khác	10	-	-
338	0. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	-	-
339	0. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	0. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	0. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.b	-	-
342	0. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	0. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>135,095,590,837</b>	<b>123,212,714,913</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>135,095,590,837</b>	<b>123,212,714,913</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100,000,000,000	100,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100,000,000,000	100,000,000,000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	1. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	1. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	1. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

415	1.	Cổ phiếu quỹ	-	-
416	1.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	1.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển	2,513,296,299	1,179,967,887
419	2.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	2.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32,582,294,538	22,032,747,026
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>19,366,090,202</i>	<i>9,464,575,616</i>
421b		<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>13,216,204,336</i>	<i>12,568,171,410</i>
422	3.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
<b>430</b>	<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-
431	0.	Nguồn kinh phí	-	-
432	0.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>440</b>		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>139,734,478,541</b>	<b>129,545,572,463</b>

Trần

Trần




---

 Hồ Văn Tiến  
 Người lập

---

 Hồ Văn Tiến  
 Kế toán trưởng

---

 Nguyễn Hữu Ái  
 Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 26 tháng 07 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
						Năm nay	Năm trước
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	00	VI.25	45,828,416,505	20,172,100,000	93,343,241,877	40,229,600,000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-	-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.27	45,828,416,505	20,172,100,000	93,343,241,877	40,229,600,000
11	4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	38,212,633,583	17,851,890,413	78,524,434,861	35,400,267,647
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		7,615,782,922	2,320,209,587	14,818,807,016	4,829,332,353
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3,243,971	274,927	3,410,305	98,702,000
22	7. Chi phí tài chính	22	VI.30	113,863,694	154,693,310	212,288,475	313,616,553
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113,863,694	154,693,310	206,446,162	313,616,553
24	8. Chi phí bán hàng	24		44,116,419		126,661,276	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		296,635,132	330,198,753	517,598,610	468,849,323
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		7,164,411,648	1,835,592,451	13,965,668,960	4,145,568,477
31	11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác	32		-	483,592	-	483,592
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		-	(483,592)	-	(483,592)

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,164,411,648	1,835,108,859	13,965,668,960	4,145,084,885
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	408,326,427	92,854,954	749,464,624	209,429,087
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>6,756,085,221</u>	<u>1,742,253,905</u>	<u>13,216,204,336</u>	<u>3,935,655,798</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			676	174	1,322	394

Người lập

*Pen*

Hồ Văn Tiến

Kế toán trưởng

*Pen*

Hồ Văn Tiến

Quảng Trị, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13,965,668,960	4,145,084,885
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		779,091,846	777,837,678
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,410,305)	(98,702,000)
06	- Chi phí lãi vay		206,446,162	313,616,553
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14,947,796,663	5,137,837,116
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10,162,267,124)	(3,724,215,759)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1,900,456,323)	(9,034,739,053)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		23,663,368	(314,760,959)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(38,114,552)	54,378,416
14	- Tiền lãi vay đã trả		(216,872,412)	(313,616,553)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(200,000,000)	(339,574,737)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2,453,749,620	(8,534,691,529)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(30,100,000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5,508,000,000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,410,305	98,702,000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3,410,305	5,576,602,000
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		800,000,000	6,800,000,000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4,390,000,000)	(6,800,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3,590,000,000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1,132,840,075)	(2,958,089,529)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4,793,749,456	7,045,930,519
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3,660,909,381	4,087,840,990

*pen*

*pen*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 26 tháng 07 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 100,000,000,000 đồng; tương đương 10,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cà phê Arabica ra thị trường nước ngoài đồng thời thay đổi tỷ trọng thành phẩm bán ra, tăng cường bán cà phê thóc có tỷ lệ lõi cao hơn cà phê nhân kết hợp với công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn dẫn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Khoản đầu tư vào công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## b) Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	649,048,332	193,768,909
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,011,861,049	4,599,980,547
	<u><b>3,660,909,381</b></u>	<u><b>4,793,749,456</b></u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư vào Công ty con

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn	58,000,000,000	-	58,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	58,000,000,000	-	58,000,000,000	-
	<u><b>58,000,000,000</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>58,000,000,000</b></u>	<u><b>-</b></u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96.67%	96.67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 27.

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty CP Cà phê Tây Bắc	18,948,762,800	19,693,512,800
- Công ty TNHH Tây Hà	-	7,562,000,000
- Công ty TNHH TD Việt Nam	10,002,030,000	-
- Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu quế hồi Việt Nam	10,032,330,000	-
	<u><b>38,983,122,800</b></u>	<u><b>27,255,512,800</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ứng trước tiền cho các hộ nông dân để mua cà phê	7,931,650,000	-	9,609,887,000	-
Trả trước cho người bán khác	80,000,000	-	-	-
	<b>8,011,650,000</b>	<b>-</b>	<b>9,609,887,000</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	9,522,000	-	12,420,000	-
Thành phẩm	13,360,898,648	-	11,292,544,325	-
Hàng hoá	4,752,000,000	-	4,917,000,000	-
	<b>18,122,420,648</b>	<b>-</b>	<b>16,221,964,325</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7,551,699,369	6,060,800,000	1,023,200,000	402,000,000	15,037,699,369
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7,551,699,369</b>	<b>6,060,800,000</b>	<b>1,023,200,000</b>	<b>402,000,000</b>	<b>15,037,699,369</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2,151,560,026	1,912,889,475	639,500,000	213,665,753	4,917,615,254
- Khấu hao trong kỳ	378,834,971	311,181,875	63,950,000	25,125,000	779,091,846
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,530,394,997</b>	<b>2,224,071,350</b>	<b>703,450,000</b>	<b>238,790,753</b>	<b>5,696,707,100</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5,400,139,343	4,147,910,525	383,700,000	188,334,247	10,120,084,115
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>5,021,304,372</b>	<b>3,836,728,650</b>	<b>319,750,000</b>	<b>163,209,247</b>	<b>9,340,992,269</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9,177,783,029 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	666,035,869	749,464,624	200,000,000	-	1,215,500,493
Các loại thuế khác	-	-	3,000,000	3,000,000	-	-
	-	<b>666,035,869</b>	<b>752,464,624</b>	<b>203,000,000</b>	-	<b>1,215,500,493</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**10 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	25,848,224	12,510,600
- Bảo hiểm y tế	4,472,172	1,748,360
- Bảo hiểm thất nghiệp	1,987,632	723,584
	<b>32,308,028</b>	<b>14,982,544</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**11 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hà Đông	4,390,000,000	4,390,000,000	-	4,390,000,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	-	-	800,000,000	-	800,000,000	800,000,000
	<b>4,390,000,000</b>	<b>4,390,000,000</b>	<b>800,000,000</b>	<b>4,390,000,000</b>	<b>800,000,000</b>	<b>800,000,000</b>

**Thông tin chi tiết cho khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng tín dụng số HDTD11420170108 ngày 31/05/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất áp dụng tại 30/06/2017 là 7,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất cùng dây chuyền sản xuất cà phê tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; ô tô con thuộc sở hữu Công ty và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m2	3,310,826,609	3,353,839,875
Chi phí trả trước dài hạn khác	165,133,598	84,005,780
	<b>3,475,960,207</b>	<b>3,437,845,655</b>

**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100,000,000,000	543,378,539	10,737,754,312	111,281,132,851
Lãi trong kỳ trước	-	-	3,935,655,798	3,935,655,798
Phân phối lợi nhuận	-	636,589,348	(1,273,178,696)	(636,589,348)
Số dư cuối kỳ trước	100,000,000,000	1,179,967,887	13,400,231,414	114,580,199,301
Số dư đầu năm nay	100,000,000,000	1,179,967,887	22,032,747,026	123,212,714,913
Lãi trong kỳ nay	-	-	13,216,204,336	13,216,204,336
Phân phối lợi nhuận	-	1,333,328,412	(2,666,656,824)	(1,333,328,412)
Số dư cuối kỳ nay	100,000,000,000	2,513,296,299	32,582,294,538	135,095,590,837

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 25/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	22,942,001,533
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5.81%	1,333,328,412
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.81%	1,333,328,412
Chi trả cổ tức bằng tiền (bằng 5% vốn điều lệ) (*)	21.79%	5,000,000,000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ) (*)	43.59%	10,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	22.99%	5,275,344,709

(\*) Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa có thông báo chốt quyền nhận cổ tức nên chưa ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đối với khoản cổ tức này.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Thị Thùy	15.00%	15,000,000,000	15.00%	15,000,000,000
Ông Võ Văn Thắng	5.90%	5,900,000,000	1.00%	1,000,000,000
Ông Võ Quang Thành	4.80%	4,800,000,000	4.00%	4,000,000,000
Các cổ đông khác	74.30%	74,300,000,000	80.00%	80,000,000,000
	<b>100%</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>100,000,000,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	100,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	100,000,000,000	100,000,000,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	100,000,000,000	100,000,000,000
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,000,000	10,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,000,000	10,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10,000,000	10,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,513,296,299	1,179,967,887
	<b>2,513,296,299</b>	<b>1,179,967,887</b>
<b>14 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
Ngoại tệ các loại		
	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	213.86	55.87
<b>15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5,028,486,400	-
Doanh thu bán thành phẩm	88,314,755,477	40,229,600,000
	<b>93,343,241,877</b>	<b>40,229,600,000</b>
<b>16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4,633,388,400	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	73,891,046,461	35,400,267,647
	<b>78,524,434,861</b>	<b>35,400,267,647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3,410,305	98,702,000
	<b>3,410,305</b>	<b>98,702,000</b>

**18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	206,446,162	313,616,553
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5,842,313	-
	<b>212,288,475</b>	<b>313,616,553</b>

**19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79,614,696	-
Chi phí khác bằng tiền	47,046,580	-
	<b>126,661,276</b>	<b>-</b>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40,817,637	21,251,514
Chi phí nhân công	359,089,734	260,372,465
Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52,239,000	74,225,344
Chi phí khác bằng tiền	62,452,239	110,000,000
	<b>517,598,610</b>	<b>468,849,323</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,965,668,960	4,145,084,885
Các khoản điều chỉnh tăng	43,013,266	43,496,858
- Chi phí không hợp lệ	43,013,266	43,496,858
Thu nhập chịu thuế TNDN	14,008,682,226	4,188,581,743
Thu nhập chịu thuế TNDN được hưởng ưu đãi	13,600,094,618	4,188,581,743
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	1,360,009,462	418,858,174
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(680,004,731)	(209,429,087)
Thu nhập chịu thuế TNDN được hưởng ưu đãi khác	408,587,608	-
Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	69,459,893	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>749,464,624</b>	<b>209,429,087</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	666,035,869	339,574,737
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(200,000,000)	(339,574,737)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1,215,500,493</b>	<b>209,429,087</b>

**22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74,956,120,637	39,167,188,380
Chi phí nhân công	571,830,475	397,943,690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	779,091,846	777,837,678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142,575,627	98,174,696
Chi phí khác bằng tiền	154,042,085	113,095,179
	<b>76,603,660,670</b>	<b>40,554,239,623</b>

**23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,660,909,381	-	4,793,749,456	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38,983,122,800	-	27,255,512,800	-
	<b>42,644,032,181</b>	<b>-</b>	<b>32,049,262,256</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	800,000,000	4,390,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	110,090,912	86,427,544
Chi phí phải trả	-	10,426,250
	<b>910,090,912</b>	<b>4,486,853,794</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,660,909,381	-	-	3,660,909,381
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38,983,122,800	-	-	38,983,122,800
	<b>42,644,032,181</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42,644,032,181</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,793,749,456	-	-	4,793,749,456
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27,255,512,800	-	-	27,255,512,800
	<b>32,049,262,256</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32,049,262,256</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	800,000,000	-	-	800,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	110,090,912	-	-	110,090,912
	<b>910,090,912</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>910,090,912</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	4,390,000,000	-	-	4,390,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	86,427,544	-	-	86,427,544
Chi phí phải trả	10,426,250	-	-	10,426,250
	<b>4,486,853,794</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4,486,853,794</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**24 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>			
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	800,000,000		6,800,000,000
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>			
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	4,390,000,000		6,800,000,000

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC Kỳ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất cà phê và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 11.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>Bán thành phẩm</b>		<b>17,784,000,000</b>	-
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	17,784,000,000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		107,460,822	108,243,875



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ**

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

*Pen*

*Pen*



**Hồ Văn Tiến**  
Người lập

**Hồ Văn Tiến**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hữu Ái**  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 26 tháng 07 năm 2017